

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Xu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Anh

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kim M, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau, xúc phạm nhau. Đến khi có con thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay bà M thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung: Vợ chồng bà có một con chung

là Huỳnh Thị Xuân H, sinh năm 1998, nay cháu H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, tự lập được cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc và đường xa nên bà M có đơn đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông và bà Phạm Thị Kim M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ năm 1998, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay ông thấy không còn tình cảm với bà M, do đó bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung: Vợ chồng ông có một con chung là Huỳnh Thị Xuân H, sinh năm 1998, nay cháu H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do làm ăn ở xa không thể tham gia được các buổi làm việc tại Tòa án, ông H có đơn đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng nội dung tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M. Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Phạm Thị Kim M và ông Huỳnh Văn H ly hôn. Về con chung: Đã thành niên, hai bên đều không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung: Hai bên đều không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Kim M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Huỳnh Văn H hiện đang thường trú tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M và bị đơn ông Huỳnh Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim M và ông Huỳnh Văn H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 1992 là hôn nhân hợp pháp. Bà M và ông H đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau thường xuyên cãi vã, mỗi người sống mỗi nơi, phần ai nấy sống không quan tâm nhau từ năm 1998 đến nay, hai người đều thấy tình cảm vợ chồng đã hết. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và ông H đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông H thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà M và ông H ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà M và ông H có 01 con chung là Huỳnh Thị Xuân H, sinh năm 1998, cháu H đã thành niên, phát triển bình thường, tự lập được cuộc sống và ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà M và ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim M và ông Huỳnh Văn H ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim M phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010542 ngày 14-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà M đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Văn Xu

